

## Họ Mạc và Hà Tiên thế kỷ 18: Phật giáo, hải thương và địa chính trị (P.4/5)

ISSN: 2734-9195 10:10 14/07/2026

Hà Tiên, từ một thương cảng, đã trở thành một giao điểm của thông tin và ngoại giao hàng hải. Nếu Mạc Cửu là người mở đất Hà Tiên ra với biển cả, thì Mạc Thiên Tích là người đưa Hà Tiên bước sâu hơn vào mạng lưới chính trị của khu vực.

### Phần 4 - Từ chương 31 đến hết chương 40

#### 29. Chiến tranh Miến - Xiêm và sự ứng phó của triều Thanh: Hà Tiên trong vai trò “*tai mắt*” hàng hải của cục diện quốc tế đa phương

Thuở ban đầu sau khi định đô và xác lập cơ nghiệp, triều đình nhà Thanh về cơ bản vẫn kế thừa hệ thống triều cống từ thời Minh. Đối với các quốc gia và bộ tộc chung quanh, Thanh triều thực thi một chính sách vừa mang tính hoà nhu, vừa thận trọng duy trì trật tự cũ. Ngay cả trong thời kỳ thường được gọi là “*Khang Càn thịnh thế*” - 康熙 - khi đế quốc Đại Thanh đạt đến đỉnh cao quyền lực, quan điểm ngoại giao đối với các nước hải ngoại và biên ngoại vẫn tương đối nhất quán: trong khuôn khổ trật tự tông phiên, chỉ cần các thuộc quốc thành tâm kính thuận, an phận giữ lễ triều cống, triều đình sẽ ban ân điển, chuẩn cho đời đời nối nghiệp phiên phong.

Nói một cách giản lược, sách lược ấy lấy ổn định làm trọng.

Đối với triều Thanh, những vùng biên viễn xa xôi không phải lúc nào cũng đáng để đem đại quân can thiệp sâu. Điều quan trọng là giữ cho biên cảnh yên ổn, đường triều cống không bị đứt đoạn, các nước phiên thuộc không công khai chống mệnh, và trật tự khu vực không rơi vào biến loạn vượt khỏi tầm kiểm soát. Tinh thần ấy từng được khái quát bằng một ý rất rõ: việc đối xử với nước ngoài, rốt cuộc cốt ở chữ “*an*”.

Tháng Chạp năm Càn Long thứ hai (Đinh Tỵ - 1737), vị quan quan trọng và liêm khiết, Tuần phủ Vân Nam Lưu Tảo - 刘藻 (1701-1766) - dâng sớ tâu rằng địa giới Vân Nam tiếp giáp với Giao Chỉ, Nam Chướng và Miến Điện; trong các vùng ấy, *“bọn ngoại di nội bộ bất hòa, thường xảy ra việc chém giết lẫn nhau”*. Trước tình hình đó, phương lược của Vân Nam không phải là đem quân can thiệp vào nội sự các nước láng giềng, mà là nghiêm lệnh cho các quan văn võ tại những cửa ải hiểm yếu tăng cường phòng bị, giữ cho dân biên cảnh được yên ổn, trong ngoài đều cẩn mật.

Đó chính là đại lược trị biên của nhà Thanh. Giữ biên giới. Quan sát tình hình. Hạn chế biến loạn lan vào nội địa. Nhưng không dễ dàng sa vào những cuộc chiến xa xôi, tốn kém và khó kiểm soát. Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ 18, cục diện An Nam đột ngột biến chuyển dữ dội khiến triều Thanh không thể khoanh tay đứng ngoài.

Mùa hạ năm Càn Long thứ năm mươi ba, tức tháng 6 năm 1788, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ thống lĩnh tiến ra Bắc, đánh chiếm Thăng Long - kinh đô của triều Hậu Lê. Trước thế cùng lực kiệt, Lê Duy Kỳ, tức vua Lê Chiêu Thống, vị quân chủ cuối cùng của nhà Hậu Lê, phải dắt dúi quyến thuộc và tông thất chạy sang Quảng Tây lánh nạn.

Việc vua một nước phiên thuộc chạy sang cầu cứu đặt triều đình nhà Thanh vào một tình thế đặc biệt.

Nếu làm ngơ, thế diện của thiên triều trong hệ thống tông phiên sẽ bị tổn thương. Nếu phát binh, lại phải đối mặt với nguy cơ sa vào chiến cuộc An Nam - một vùng đất từng nhiều lần khiến các triều đại Trung Hoa phải trả giá đắt. Cuối cùng, Hoàng đế Càn Long lựa chọn xuất binh.

Tháng 11 năm ấy, Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị (1720-1796) được lệnh thống lĩnh đại quân tiến vào An Nam, nhân danh *“phù Lê diệt Tây Sơn”*, đánh đuổi lực lượng Nguyễn Huệ và khôi phục lại cơ nghiệp nhà Lê.

Sau thắng lợi ban đầu, quân Thanh tiến vào Thăng Long. Triều đình Thanh hạ lệnh cho Lê Duy Kỳ được phục nhận tước vị An Nam quốc vương. Trong sắc phong sách văn ban xuống khi ấy có đoạn đại ý rằng:

*“Trẫm nghĩ đạo trị quốc đối với trong ngoài, giữ yên bờ cõi xa gần, không có nghĩa nào lớn hơn việc dẹp loạn phò nguy, không có đạo lý nào thịnh hơn việc hưng vong kế tuyệt. Huống chi nước người xưa nay kính thuận mệnh triều đình, đời đời được liệt vào hàng thế phong. Nay gặp lúc quốc gia biến loạn, nghịch thần dấy binh khiến trăm họ chẳng yên, triều đình tất phải vì người mà trừ bỏ*

*yêu nghiệt hại dân, cứu nước khỏi cảnh nghiêng đổ, khôi phục phong quang xưa cũ, để giữ nghiêm thể chế phiên giậu.”*

Ngôn từ ấy thể hiện rất rõ tinh thần chính danh của chiến dịch. Nhà Thanh không tuyên bố thôn tính An Nam. Cũng không đặt mục tiêu biến An Nam thành quận huyện trực thuộc. Danh nghĩa được nêu ra là “*dẹp loạn phò nguy*”, “*hưng vong kế tuyệt*” - khôi phục nước đã mất, nối lại dòng chính thống đã đứt. Nhưng chính danh trên giấy tờ không bảo đảm thắng lợi trên chiến trường.

Sau khi tiến vào Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị chủ quan khinh địch, lại muốn lập công lớn bằng cách bắt sống Nguyễn Huệ, nên chậm trễ trong việc củng cố phòng tuyến và rút quân đúng lúc. Sự lơ đãng ấy đã tạo thời cơ cho Nguyễn Huệ, lúc này đã lên ngôi Hoàng đế Quang Trung, phát động cuộc phản công thần tốc vào dịp đầu xuân Kỷ Dậu 1789.

Chỉ trong một thời gian rất ngắn, quân Tây Sơn đánh tan các đạo quân Thanh. Tôn Sĩ Nghị hoảng loạn tháo chạy qua Trấn Nam Quan về Quảng Tây. Thất bại ấy làm chấn động triều đình nhà Thanh. Trước cục diện bất lợi, Càn Long lập tức điều Phúc Khang An - Tổng đốc Mân Chiết, người vừa lập công lớn trong việc bình định cuộc nổi dậy Lâm Sảng Văn ở Đài Loan - đến nhậm chức Tổng đốc Lưỡng Quảng, phụ trách xử lý sự vụ An Nam. Nhưng Phúc Khang An không tiếp tục đẩy tình thế đến một cuộc chiến lớn hơn.

Trong khi đó, Nguyễn Huệ cũng hiểu rõ rằng sau chiến thắng quân sự, cần nhanh chóng thiết lập một lối thoát ngoại giao để tránh kéo dài xung đột với đại quốc phương Bắc. Từ đó, một cuộc chuyển hướng ngoại giao khôn khéo bắt đầu.

Nguyễn Huệ chủ động sai sứ sang cầu phong, xưng thần và nộp cống. Triều Thanh, sau khi cân nhắc lợi hại, cũng lựa chọn chấp nhận cục diện mới. Càn Long chính thức sắc phong Nguyễn Huệ làm An Nam quốc vương, khép lại cuộc đối đầu bằng một sự điều đình giữ thể diện cho cả hai phía.

Đằng sau quyết định ấy là một nhận thức chính trị rất thực tế của nhà Thanh. Việc can thiệp sâu vào An Nam không những tốn kém, mà còn tiềm ẩn nguy cơ lập lại vết xe đổ của các triều đại trước.

Từ kinh nghiệm An Nam, có thể thấy rõ hơn thái độ của Thanh triều đối với các biến động ở vùng biên ngoại và hải ngoại: triều đình luôn muốn nắm tin tức, đánh giá cục diện, duy trì uy thế tông phiên và bảo vệ trật tự biên giới; nhưng không dễ dàng lựa chọn một cuộc chiến lâu dài nếu lợi ích thiết thân chưa bị đe dọa trực tiếp. Chính trong khung cảnh ấy, chiến tranh Miến - Xiêm trở thành

một phép thử khác đối với năng lực quan sát và ứng phó của triều Thanh.

Miến Điện nằm sát biên giới Tây Nam. Xiêm La lại gắn với mạng lưới thương mại hải dương của người Hoa. Còn những biến động tại Ayutthaya có thể ảnh hưởng đến các tuyến hải hành từ Quảng Đông xuống Nam Dương. Vì vậy, triều đình Thanh không thể hoàn toàn thờ ơ. Nhưng thay vì lập tức điều quân xuống một chiến trường xa xôi, họ lựa chọn một phương thức thận trọng hơn: thu thập tin tức, khảo sát hải trình, thăm dò cục diện và tìm kiếm những điểm trung chuyển đáng tin cậy trong vùng biển phương Nam.

Và chính tại đây, Hà Tiên bước vào vai trò đặc biệt của mình. Vùng đất họ Mạc không phải là một đại quốc. Cũng không phải một trung tâm quyền lực ngang hàng với Miến Điện hay Xiêm La. Nhưng Hà Tiên nằm ở vị trí then chốt bên bờ Đông vịnh Xiêm, gần các tuyến giao thương, gần chiến trường Xiêm La, lại có mạng lưới thương nhân Hoa kiều, hải khách và quan hệ bang giao rộng khắp. Chính quyền họ Mạc, nhờ nhiều thập niên vận hành giữa Đại Việt, Chân Lạp, Xiêm La và Hoa Nam, đã tích lũy được một năng lực hiếm có: năng lực nghe ngóng, tiếp nhận và phân tích tin tức từ nhiều phía.

Bởi vậy, khi chiến cuộc Miến – Xiêm làm rung chuyển bán đảo Đông Nam Á, Hà Tiên trở thành một trong những nơi mà triều Thanh có thể tìm đến để dò hỏi tình hình. Ở vai trò ấy, Hà Tiên giống như một cặp “tai mắt” hàng hải của cục diện quốc tế đa phương. Nó nghe được tiếng động từ Xiêm La. Nhìn thấy những chuyển động trên vịnh Xiêm. Tiếp nhận tin tức từ thương thuyền Quảng Đông. Và truyền những thông tin ấy trở lại hệ thống hành chính của triều Thanh qua các phái viên, tầu sứ, hải đồ và công văn.

Từ một thương cảng biên viễn, Hà Tiên vì thế đã bước vào một tầng chức năng mới: không chỉ là nơi hàng hóa lưu thông, mà còn là nơi thông tin khu vực được tích tụ; không chỉ là cảng khẩu của thương nghiệp, mà còn là trạm quan sát của những biến động địa chính trị đang làm chuyển động cả Đông Nam Á thế kỷ 18.

## **30. Bài học An Nam và giới hạn can thiệp của Triều Thanh ở phương Nam**

Năm Càn Long thứ năm mươi bốn, tức năm Kỷ Dậu (1789), khi Phúc Khang An được điều đến Lưỡng Quảng để xử lý hậu quả sau thất bại của Tôn Sĩ Nghị, Hoàng đế Càn Long từng ban dụ cho các Quân cơ đại thần. Trong dụ chỉ ấy, ông nhắc đến đặc điểm khó trị của An Nam và bài học lịch sử từ thời trước:

*“Dân tình An Nam vốn tính phản phúc. Từ các triều đại trước đến nay, phàm những kẻ mưu đồ đặt quận huyện tại đất ấy, chẳng được bao lâu đều sinh biến loạn; sử sách đã có vết xe đổ rõ ràng. Ta đã suy tính nhiều lần, dù có hưng binh vấn tội lớn cũng thực chẳng bổ công. Chi bằng mở lượng bao dung, khiến chúng sợ tội mà thành tâm quy thuận; cốt lấy việc không tổn một binh một tốt mà thu xếp ổn thỏa đại cục làm trọng. Bọn Phúc Khang An các người lẽ nào lại không hiểu tâm ý ấy của Trẫm.”*

Dụ chỉ này cho thấy Càn Long nhìn vấn đề An Nam bằng con mắt của một hoàng đế đã từng trải qua nhiều chiến dịch lớn.

Ông không thiếu quân đội. Cũng không thiếu danh nghĩa. Nhưng ông hiểu rằng chiếm được một vùng đất không đồng nghĩa với việc giữ được vùng đất ấy. Đặc biệt là An Nam - nơi ký ức lịch sử về cuộc đô hộ nhà Minh vẫn còn là một bài học nặng nề.

Cái gọi là “vết xe đổ trước đây” mà Càn Long nhắc đến chính là cuộc nam chinh của nhà Minh dưới thời Vĩnh Lạc. Năm Vĩnh Lạc thứ tư Bính Tuất (1406), Minh Thành Tổ đem quân đánh An Nam, xóa bỏ vương triều bản địa và thiết lập Giao Chỉ Bố chính sứ ty, đặt đất nước này dưới chế độ quận huyện trực thuộc. Nhưng nền thống trị ấy nhanh chóng vấp phải sự phản kháng bền bỉ của người Việt. Các cuộc khởi nghĩa nối tiếp nhau bùng nổ. Quân Minh tuy nhiều lần đem binh đàn áp, nhưng càng về sau càng sa lầy và tổn thất nặng nề.

Đến năm Tuyên Đức thứ hai, Minh Tuyên Tông Đinh Mùi (1427) buộc phải nghe theo kiến nghị của các đại thần như Dương Vinh, quyết định bãi binh và từ bỏ việc trực trị An Nam.

Bài học ấy không chỉ được ghi trong sử Trung Hoa. Nó cũng được các sử gia Việt Nam nhìn nhận như một chứng tích lớn về ý chí tự chủ của dân tộc.

Sách Đại Nam thực lục chép rằng mùa xuân năm Đinh Hợi 1827, niên hiệu Minh Mạng thứ tám, Hoàng đế Minh Mạng trong một lần ngự lãm sử nhà Lê đã cùng Phan Huy Thực bàn về lễ hưng vong của lịch sử. Khi nhắc đến sự trỗi dậy của Tây Sơn và chiến thắng của Nguyễn Huệ, nhà vua cảm khái rằng: *“Vạn sự định rồi mới thấy rõ thiên mệnh.”*

Quả thật, trong những ngày đầu xuân Kỷ Dậu, tiếng trống trận của Nguyễn Huệ vang lên nơi bến Bồ Đề như sấm động. Chỉ trong chớp mắt, hàng vạn quân Thanh từng vượt biên giới tiến vào An Nam đã bị đánh tan. Trận thua ấy khiến triều đình Càn Long phải tỉnh ngộ trước giới hạn của sức mạnh quân sự.

Thiên triều có thể đem quân đến Thăng Long. Nhưng không dễ đặt ách cai trị lâu dài trên vùng đất này. Thanh triều vốn đã có tâm lý ngại chiến sự kéo dài nơi biên viễn, nay lại nhìn thấy ngay trước mắt vết xe đổ của nhà Minh tái hiện dưới một hình thức mới. Vì vậy, thay vì phục binh báo oán, Càn Long lựa chọn hòa giải trong khuôn khổ tông phiên: chấp nhận Nguyễn Huệ xưng thần, ban sắc phong An Nam quốc vương và khôi phục trật tự ngoại giao trên danh nghĩa.

Đó là một quyết định thực dụng. Nhà Thanh giữ được thể diện của thiên triều. Nguyễn Huệ giữ được thực quyền ở An Nam. Còn chiến tranh thì không tiếp tục lan rộng. Từ biến cố ấy có thể thấy rõ hơn bản chất chính sách Đông Nam Á của nhà Thanh. Triều đình này không dễ dàng từ bỏ uy danh của mình trong hệ thống tông phiên. Nhưng họ cũng hiểu giới hạn của việc can thiệp bằng quân sự.

Đối với các nước phương Nam, điều Thanh triều mong muốn nhất không phải là biến họ thành quận huyện trực thuộc, mà là duy trì một trật tự bên ngoài: có triều cống, có sắc phong, có danh nghĩa thần phục, và quan trọng hơn cả là biên cảnh được yên ổn. Chính quan điểm ấy giúp giải thích vì sao trong các vấn đề liên quan đến An Nam, Xiêm La, Chân Lạp hay Hà Tiên, triều Thanh thường quan tâm đến tin tức, hải trình và trật tự khu vực, nhưng rất dè dặt trong việc can thiệp sâu vào nội trị. Đối với nhà Thanh, điều quan trọng là thiên hạ trên danh nghĩa vẫn thuận phục. Còn bên dưới lớp danh nghĩa ấy, các thế lực địa phương, các vương triều bản địa và những chính quyền tự trị như Hà Tiên có thể vận hành bằng những cơ chế linh hoạt hơn nhiều so với mô hình quận huyện của Trung Hoa.

Chính trong khoảng trống giữa danh nghĩa tông phiên và thực tế quyền lực ấy, Hà Tiên của họ Mạc đã từng tìm được không gian sinh tồn. Một mặt, họ Mạc giữ quan hệ thần thuộc với chúa Nguyễn. Mặt khác, Hà Tiên vẫn giao tiếp với thương nhân Hoa Nam, với Chân Lạp, Xiêm La và cả những nguồn tin từ nhà Thanh. Và trong thế giới Đông Á thế kỷ 18, nơi danh nghĩa, lễ nghi, thương mại và thực quyền nhiều khi không hoàn toàn trùng khít, một vùng đất nhỏ như Hà Tiên vẫn có thể tồn tại, phát triển và tỏa sáng giữa những cơn sóng lớn của thời đại.

Nhìn từ đây, vai trò của Hà Tiên trong chiến cuộc Miến - Xiêm càng trở nên sáng rõ hơn. Triều Thanh không nhất thiết muốn đưa quân can dự sâu vào những biến động xa xôi nơi vịnh Xiêm, nhưng lại cần biết điều gì đang xảy ra. Muốn biết, họ phải dựa vào những trạm thông tin đáng tin cậy trên biển. Và Hà Tiên - với vị trí gần Xiêm La, với mạng lưới thương nhân Hoa kiều, với kinh nghiệm giao tiếp giữa nhiều thế lực - đã trở thành một trong những điểm “*tai mắt*” quan

trọng ấy.

Nơi đây không phải trung tâm của đế quốc. Nhưng là nơi các luồng tin tức đi qua. Không phải một đại quốc quyết định vận mệnh khu vực. Nhưng là một cảng khẩu đủ gần, đủ linh hoạt và đủ thông hiểu để phản ánh những chuyển động của thời cuộc.

Đó chính là giá trị đặc biệt của Hà Tiên trong thế kỷ 18: một vùng đất nhỏ nhưng biết đứng đúng vị trí của mình giữa các trật tự lớn; một chính quyền biên hải biết nương vào danh nghĩa, thương mại, ngoại giao và thông tin để tồn tại; một thương cảng mà từ đó, người ta có thể nhìn thấy cả những giới hạn của quyền lực thiên triều lẫn sự linh hoạt của các cộng đồng vùng biển Đông Nam Á.

## **31. Sự sụp đổ của Ayutthaya và bước chân lưu vong tìm đến Hà Tiên**

Giữa thế kỷ 18, những cuộc tranh đoạt quyền lực kéo dài trong nội bộ Xiêm La đã từng bước bào mòn sức mạnh của vương triều Ayutthaya. Triều chính phân ly, phe phái đối nghịch, quân bị dần trở nên lỏng lẻo; trong khi ấy, từ phía Tây, một thế lực quân sự hùng mạnh đang trỗi dậy trên vùng thượng lưu sông Irrawaddy.

Đó là vương triều Konbaung của Miến Điện. Giữa lúc Xiêm La còn mãi chìm trong vòng xoáy nội tranh, Miến Điện đã nhìn thấy thời cơ.

Tháng Giêng năm Canh Thìn (1760), lấy lý do người Môn cư trú tại Tavoy - vùng biên địa giữ vị trí chiến lược giữa Miến Điện và Xiêm La - thường xuyên vượt biên gây rối, vương triều Konbaung phát động một cuộc viễn chinh quy mô lớn về phía Đông. Sáu vạn quân được huy động. Đại quân chia làm hai mũi. Từ những dãy núi phía Tây, binh mã Miến Điện vượt qua các cửa ải hiểm trở, liên tiếp phá vỡ những tuyến phòng thủ của Xiêm La và nhanh chóng áp sát kinh thành Ayutthaya.

Lần đầu tiên sau nhiều năm, trái tim của vương quốc Xiêm phải trực diện với hiểm họa diệt vong. Quân Miến Điện hình thành thế vây quanh kinh đô. Ayutthaya lâm nguy. Nhưng vận số của vương triều Xiêm khi ấy dường như vẫn chưa hoàn toàn đoạn tuyệt. Tháng 5 Canh Thìn (1760), chiến dịch bất ngờ phải đình chỉ. Quốc vương Miến Điện Alaungpaya lâm trọng bệnh giữa quân doanh. Trước tình thế ấy, đại quân Konbaung buộc phải rút khỏi chiến trường.

Ayutthaya thoát khỏi tai họa. Nhưng đó chỉ là một khoảng lặng ngắn ngủi trước cơn phong ba lớn hơn. Bốn năm sau, vào năm Giáp Thân (1764), Hsinbyushin - vị quân vương mới của Miến Điện - quyết định tiếp tục chiến lược chinh phục Xiêm La. Hsinbyushin là một trong những vị quân chủ có tham vọng quân sự lớn của vương triều Konbaung. Dưới triều đại ông, Miến Điện không chỉ mở rộng thế lực trên bán đảo Đông Nam Á, mà về sau còn trực tiếp đối đầu với đại quân nhà Thanh trong những cuộc chiến khốc liệt nơi biên giới Vân Nam.

Lần này, chiến dịch đánh Xiêm được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn. Hai vạn bộ binh được tuyển chọn. Một trăm chiến tượng được đưa vào đội ngũ. Một nghìn chiến mã được phân bổ cho mười đơn vị kỵ binh. Đó không còn là một cuộc tập kích biên giới. Đó là một chiến dịch nhằm đánh thẳng vào trung tâm quyền lực của Xiêm La. Các đạo quân Miến Điện từ nhiều hướng tiến vào lãnh thổ đối phương, từng bước siết chặt vòng vây. Đến đầu năm Bính Tuất (1766), binh lực Konbaung đã áp sát Ayutthaya.

Kinh thành cổ kính nằm giữa những dòng sông, từ lâu vốn là biểu tượng quyền lực của Xiêm La, nay bị cô lập giữa một vòng vây ngày càng khép kín. Mười bốn tháng. Ayutthaya chống giữ trong mười bốn tháng. Bên ngoài thành, quân Miến Điện kiên trì bao vây. Bên trong, lương thực ngày càng cạn kiệt, triều đình rối ren, sức phòng thủ suy giảm từng ngày.

Thời gian đã đứng về phía quân viễn chinh. Ngày 7 tháng 4 năm Đinh Hợi (1767), phòng tuyến cuối cùng của Ayutthaya bị phá vỡ. Kinh thành thất thủ. Một trong những đô thị huy hoàng nhất Đông Nam Á thời cận thế bước vào giờ phút bi thương nhất của lịch sử mình. Ayutthaya từng là nơi những ngọn tháp vàng soi bóng xuống dòng Chao Phraya.

Từng là chốn thương nhân Trung Hoa, Ba Tư, Nhật Bản và châu Âu tìm đến. Từng là kinh đô của một vương quốc khiến các lân bang phải dè chừng. Nhưng trong cơn binh lửa năm ấy, những cung điện và phố thị phồn hoa bị tàn phá nghiêm trọng. Triều đình tan rã. Dân cư ly tán. Một kinh đô từng trải qua hơn bốn thế kỷ hưng thịnh phút chốc chìm trong cảnh hoang tàn.

Quốc vương Ekkathat - vị quân chủ cuối cùng của triều đại Ayutthaya - rời khỏi kinh thành giữa cơn hỗn loạn và không lâu sau qua đời. Cựu vương Uthumphon cùng nhiều thành viên hoàng tộc bị quân Miến Điện bắt đưa về nước.

Hoàng gia Xiêm La từ đó tứ tán. Người chạy về phương Đông. Kẻ tìm đường sang Cao Miên. Người vượt biển lánh nạn. Vương tử Chao Chui tìm đến Chân Lạp. Trong khi ấy, Chao Thuy - người được một số nguồn tư liệu Việt Nam ghi dưới danh xưng Hoàng tử Chiêu Thúy - vượt qua những dặm đường lưu lạc, cuối

cùng tìm đến Hà Tiên cầu nơi dung thân.

Đó là một chi tiết tưởng như nhỏ bé giữa cơn đại biến của một vương triều. Nhưng chính bước chân của vị vương tử lưu vong ấy đã kéo Hà Tiên vào trung tâm của một cuộc tranh chấp quyền lực mới. Bởi Ayutthaya đã mất. Nhưng Xiêm La chưa mất. Trên đồng tro tàn của kinh thành cũ, những thế lực quân sự địa phương bắt đầu trỗi dậy. Các tướng lĩnh cát cứ dựng cờ. Những người mang huyết thống hoàng gia tìm kiếm sự ủng hộ.

Và giữa thời khắc chưa ai biết ai sẽ trở thành chủ nhân mới của Xiêm La, việc một vương tử Ayutthaya tìm đến Hà Tiên đã đặt Cư sĩ Mạc Thiên Tích trước một quyết định hệ trọng.

Che chở một người lưu vong? Hay nâng đỡ một người có khả năng tranh đoạt vương quyền? Giữa hai lựa chọn ấy là cả một vực sâu chính trị. Và Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã lựa chọn bước vào cuộc cờ.

Ngày 7 tháng 4 năm Đinh Hợi (1767), vương triều Ayutthaya chính thức khép lại một thời đại. Nhưng cùng lúc ấy, một cục diện mới bắt đầu mở ra trên toàn vùng vịnh Xiêm. Từ Miến Điện đến Xiêm La. Từ Chân Lạp đến Hà Tiên. Những thế lực cũ sụp đổ. Những anh hùng mới xuất hiện. Những vương tử lưu vong tìm nơi nương náu. Và vùng đất Hà Tiên nhỏ bé bên bờ biển Tây Nam, một lần nữa, bị những cơn sóng lớn của lịch sử đẩy lên tuyến đầu của cuộc tranh hùng trên bán đảo Đông Nam Á.

Trong cơn đại biến ấy, Hà Tiên không còn chỉ là một thương cảng phồn hoa hay một miền văn hiến bên bờ biển. Nó trở thành nơi trú ẩn của hoàng tộc lưu vong, một bàn đạp chính trị có thể làm thay đổi cán cân quyền lực, và một điểm giao nhau giữa số phận của Xiêm La, Chân Lạp, Đàng Trong và họ Mạc.

Từ đây, vai trò của Cư sĩ Mạc Thiên Tích cũng bước sang một thử thách mới. Không còn chỉ là bảo vệ Hà Tiên trước sóng gió. Không còn chỉ là giữ thế quân bình giữa các lân bang. Ông phải đối diện với câu hỏi lớn hơn: giữa một vương triều Xiêm La vừa sụp đổ, giữa những người lưu vong mang huyết thống hoàng gia và những thế lực quân sự mới đang trỗi dậy, Hà Tiên sẽ đứng ở đâu? Câu trả lời cho câu hỏi ấy sẽ đưa vùng đất họ Mạc vào một trong những chương gay go nhất của lịch sử biển Tây Nam thế kỷ 18.

## **32. Từ chiến tranh Miến - Xiêm đến sự trỗi dậy của Trịnh Chiêu: Hà Tiên trong tầm quan sát của Triều Thanh**

Kể từ thời Minh, nhiều quốc gia ở Đông Á và Đông Nam Á như Xiêm La, An Nam, Miến Điện và Chân Lạp đã lần lượt được đặt vào mạng lưới triều cống của đế quốc Trung Hoa. Trong trật tự bang giao ấy, Xiêm La là một trong những quốc gia duy trì quan hệ triều cống tương đối mật thiết và thường xuyên thể hiện thái độ kính thuận đối với thiên triều.

Ngay từ buổi đầu dựng nghiệp, nhà Minh đã xác lập một nguyên tắc đối ngoại lấy việc giữ yên bờ cõi làm trọng. Minh Thái Tổ (1328-1398) từng liệt kê một số quốc gia hải ngoại vào hàng “*Bất chinh chư di*” - những nước không nên tùy tiện đem quân chinh phạt. Trong danh sách ấy có Triều Tiên, Nhật Bản, Đại Lưu Cầu, Tiểu Lưu Cầu, An Nam, Chân Lạp, Xiêm La, Chiêm Thành, cùng nhiều quốc gia và cảng thị vùng Nam Hải như Sumatra, Java, Pahang, Bách Hoa, Tam Phật Tề và Bột Nại.

Tinh thần cốt lõi của chính sách ấy không phải là từ bỏ vị thế thiên triều, mà là tránh để đế quốc bị cuốn vào những cuộc viễn chinh xa xôi, hao binh tổn lực và khó duy trì quyền kiểm soát lâu dài.

Từ An Nam xuôi về phương Nam là cả một thế giới hải dương rộng lớn. Nơi ấy có Chân Lạp. Có Xiêm La. Có những cảng thị trên bán đảo Mã Lai. Và xa hơn nữa là mạng lưới thương mại trải rộng khắp Nam Hải.

Bởi vậy, khi quân Miến Điện liên tiếp tiến công Xiêm La, phá vỡ thế cân bằng vốn tồn tại trong khu vực, triều đình nhà Thanh không thể hoàn toàn thờ ơ trước những biến động đang diễn ra ở phương Nam.

Tuy nhiên, cần thấy rằng cuộc chiến giữa Thanh triều và vương triều Konbaung của Miến Điện không đơn thuần là một chiến dịch “*cứu Xiêm*”. Đó trước hết là kết quả của những xung đột biên giới ngày càng gay gắt giữa Miến Điện và vùng Tây Nam Trung Hoa. Nhưng trên bình diện rộng lớn hơn, sức ép quân sự của nhà Thanh đối với Miến Điện đã vô tình tạo nên một chuyển biến trọng đại trong cục diện Xiêm La.

Một sự chuyển biến mà lịch sử Hà Tiên rồi cũng bị cuốn vào.

Trong khi đại quân Miến Điện còn đang chinh chiến trên đất Xiêm, chiến sự ở biên giới Vân Nam ngày càng căng thẳng. Nhà Thanh liên tiếp điều động binh mã tiến đánh Miến Điện. Những đạo quân từ phương Bắc gây sức ép trực tiếp lên vùng biên cương của vương triều Konbaung, buộc triều đình Ava phải phân tán lực lượng để đối phó.

Đứng trước nguy cơ hai mặt thọ địch, vua Hsinbyushin - người mà một số thư tịch Trung Hoa ghi dưới tên Mạnh Bác - buộc phải điều chỉnh chiến lược.

Phần lớn lực lượng tinh nhuệ từng tham gia chiến dịch Xiêm La được triệu hồi để ứng phó với quân Thanh. Tại vùng đất Xiêm vừa chiếm được, quân Miến Điện chỉ còn duy trì một số đơn vị đồn trú tại những vị trí trọng yếu, trong đó có khu vực Tam Chu Bồ Đề - tức Ba Cây Bồ Đề - gần vùng ảnh hưởng của cố đô Ayutthaya.

Chính sự chuyển dịch binh lực ấy đã tạo nên một khoảng trống quyền lực đặc biệt.

Ayutthaya đã sụp đổ. Vương triều cũ không còn. Quân Miến Điện lại không đủ sức kiểm soát chặt chẽ toàn bộ lãnh thổ Xiêm La. Trong khoảng trống giữa một vương triều đã mất và một đội quân chiếm đóng đang phải phân tán lực lượng, phong trào phục quốc của người Xiêm bắt đầu trỗi dậy.

Năm Đinh Hợi (1767), giữa cơn biến loạn ấy, một nhân vật kiệt xuất xuất hiện. Đó là Trịnh Chiêu - Phraya Taksin, người mà Thanh thực lục ghi dưới những danh xưng phiên âm như Phi Nhã Tân hoặc Cam Ân Sắc. Theo một số nguồn tư liệu Hoa văn, tổ tiên của ông có nguồn gốc từ vùng Hoa Phú, huyện Trùng Hải, tỉnh Quảng Đông. Nhưng chính trên đất Xiêm, bằng tài năng quân sự và bản lĩnh chính trị, Trịnh Chiêu đã dựng nên sự nghiệp của mình.

Từ một thủ lĩnh quân sự địa phương, ông tập hợp lực lượng, liên tiếp đánh bại các đơn vị quân Miến Điện còn lưu lại trên đất Xiêm. Mỗi một chiến thắng lại đem đến thêm binh sĩ. Mỗi một thành trì quy phục lại mở rộng thêm thế lực. Ngọn cờ phục quốc dần dần quy tụ nhân tâm. Trịnh Chiêu trước hết làm chủ Rayong - La Bằng.

Sau đó tiến về Chanthaburi - Tiêm Trúc Vấn, một thương cảng quan trọng ở miền Đông Xiêm La. Trat - Đạt Lạt - cũng lần lượt rơi vào phạm vi kiểm soát của ông. Từ dải duyên hải phía Đông, Trịnh Chiêu xây dựng căn cứ, chỉnh đốn binh mã và chuẩn bị cho cuộc phản công quyết định.

Đến tháng 11 năm Đinh Hợi (1767), đại quân của ông tiến đánh Thonburi - Thôn Vũ Lý. Thế quân như chẻ tre. Từ Thonburi, lực lượng phục quốc tiếp tục tiến lên, đánh bật các đơn vị Miến Điện còn lại và từng bước thu phục vùng đất quanh cố đô Ayutthaya. Chỉ trong vòng vài tháng sau ngày kinh thành cũ thất thủ, Xiêm La đã xuất hiện một chủ nhân mới. Trịnh Chiêu xưng vương. Nhưng ông không lựa chọn trở về đóng đô tại Ayutthaya.

Kinh thành cũ đã bị tàn phá quá nặng nề. Một thời đại đã khép lại nơi những phế tích của cố đô. Trịnh Chiêu chọn Thonburi làm trung tâm quyền lực mới. Bởi vậy, sử gia hậu thế gọi chính quyền do ông kiến lập là Vương triều Thonburi.

Xiêm La đã phục quốc. Nhưng vấn đề chính thống vẫn chưa hoàn toàn được giải quyết. Trịnh Chiêu là người có công đánh đuổi quân Miến. Là người tái lập trật tự. Là người thống nhất phần lớn lãnh thổ Xiêm La. Nhưng ông không thuộc dòng chính của vương thất Ayutthaya. Trong khi đó, những thành viên còn sống của hoàng tộc cũ vẫn đang lưu lạc ở nhiều nơi. Có người ở Chân Lạp. Có người nương náu tại Hà Tiên. Và chính tại đây, một cuộc đối đầu âm thầm nhưng ngày càng quyết liệt bắt đầu hình thành giữa Trịnh Chiêu và Cư sĩ Mạc Thiên Tích.

Trong lúc Xiêm La bước vào thời kỳ tái thiết dưới quyền vị tân vương, triều đình nhà Thanh cũng đặc biệt quan tâm đến cục diện phương Nam. Hoàng đế Càn Long hạ dụ cho Tổng đốc Lưỡng Quảng Lý Thị Nghiêu - 李士儀 - mật thiết theo dõi diễn biến, đồng thời khẩn trương khảo sát hải trình từ Quảng Đông sang Xiêm La. Nhưng có một vấn đề. Đường đến Xiêm La quá xa. Tin tức chậm trễ. Vương triều Ayutthaya vừa sụp đổ. Triều đình cũ tan rã. Những người từng đại diện cho Xiêm La trong hệ thống triều cống không còn giữ nguyên địa vị. Thanh đình cần biết: Ai đang cai trị Xiêm La? Người ấy có đủ sức thống nhất đất nước hay không? Và quan trọng hơn, chính quyền mới có tiếp tục duy trì quan hệ triều cống với Đại Thanh hay không?

Để tìm câu trả lời, Lý Thị Nghiêu hướng tầm mắt về một nơi. Hà Tiên. Bởi Hà Tiên nằm ngay bên rìa vùng biến động. Bởi thương thuyền từ Quảng Đông thường xuyên qua lại nơi đây. Bởi chính quyền họ Mạc từ lâu đã quen vận động giữa Chân Lạp, Xiêm La, Đàng Trong và thế giới Hoa Nam. Và bởi nơi ấy, hơn bất cứ cảng thị nào khác ở bờ Đông vịnh Xiêm, có thể thu nhận những luồng tin tức nhanh nhất về sự sụp đổ của Ayutthaya, sự trỗi dậy của Trịnh Chiêu và vận mệnh mới của Xiêm La.

Từ đây, Hà Tiên không chỉ là một thương cảng. Không chỉ là nơi hoàng tử lưu vong tìm đến nương thân. Không chỉ là vùng đất họ Mạc phải giữ thế cân bằng giữa những cường quyền. Hà Tiên còn trở thành một trạm quan sát chiến lược trong mạng lưới thông tin của triều Thanh - một đôi "*tai mắt*" hàng hải nhìn về vịnh Xiêm giữa lúc cả bán đảo Đông Nam Á đang rung chuyển bởi chiến tranh, phục quốc và tranh đoạt chính thống.



Lăng mộ Khai trấn Thượng trụ quốc Đại tướng quân Vũ Nghị Công Mạc Cửu

nằm dưới chân núi Bình San. Ảnh người dịch cung cấp.

### 33. Hứa Toàn, văn thư Lưỡng Quảng và vai trò trung chuyển của Hà Tiên

Theo Thanh thực lục, vào năm Càn Long thứ 32 (1767), ngày 14 tháng 7 (âm lịch năm Đinh Hợi), Lý Thị Nghiêu dâng sớ tâu rằng ông đã tuân chỉ soạn thảo văn thư gửi Quốc vương Xiêm La.

Để dò xét tình hình thực tế, Lý Thị Nghiêu lựa chọn Hứa Toàn - 許全 - viên Du kích thuộc Trung doanh Tả dực Trấn tiêu, một người am hiểu đường thủy, bí mật tháp tùng thương thuyền xuôi Nam.

Điểm đến trước hết của Hứa Toàn không phải kinh thành Xiêm La. Mà là Hà Tiên. Sự lựa chọn ấy tuyệt nhiên không phải ngẫu nhiên.

Trong nhận thức của chính quyền Lưỡng Quảng, Hà Tiên khi ấy là một trong những đầu mối quan trọng nhất để tiếp cận tin tức vùng vịnh Xiêm. Thương thuyền Quảng Đông thường xuyên lui tới. Đường biển đã được giới hàng hải biết rõ. Cư sĩ Mạc Thiên Tích lại có quan hệ rộng với Chân Lạp và Xiêm La. Từ Hà Tiên, người ta có thể tiếp tục theo đường biển đến Chanthaburi, rồi tiến sâu vào lãnh thổ Xiêm.

Bởi vậy, tờ hịch dụ của Tổng đốc Lưỡng Quảng được dự liệu sẽ trao cho “*Mạc Thổ mục*” - tức Cư sĩ Mạc Thiên Tích - để nhờ chuyển đạt. Nếu con đường ấy không thuận tiện, văn thư có thể tiếp tục được đưa đến Chanthaburi, giao cho viên quan sở tại là Phổ Lan, rồi từ đó đệ trình lên người đứng đầu Xiêm La.

Một tờ văn thư. Một viên Du kích. Một chiếc thương thuyền. Nhưng phía sau chuyến đi ấy là cả sự quan sát của đế quốc Đại Thanh đối với cục diện phương Nam. Và Hà Tiên đã trở thành chiếc cầu nối. Chính chi tiết này cho thấy vị trí đặc biệt của Mạc Thiên Tích trong mạng lưới thông tin hàng hải thế kỷ 18. Đối với Thanh đình, ông không phải một vị quốc vương chính thức trong hệ thống sắc phong. Nhưng ông là người mà Tổng đốc Lưỡng Quảng có thể dựa vào để chuyển văn thư sang Xiêm La.

Ông hiểu đường biển. Biết tình hình khu vực. Có quan hệ với giới thương nhân. Và quan trọng hơn, quyền lực của ông tại Hà Tiên đủ để một văn thư từ Quảng Đông có thể tiếp tục được chuyển sâu vào vùng vịnh Xiêm. Chính sử không ghi chép chính xác ngày Hứa Toàn rời Quảng Đông và thời điểm ông đến Hà Tiên. Tuy nhiên, qua những tấu chiết của Lý Thị Nghiêu, có thể xác định rằng văn thư của Đốc phủ Lưỡng Quảng gửi cho phía Xiêm La đã được đưa đến Hà Tiên.

Đáng tiếc, người mang sứ mệnh ấy lại không thể hoàn thành trọn vẹn hành trình. Hứa Toàn lâm trọng bệnh giữa chuyến hải hành và qua đời trên biển. Một viên võ quan nhà Thanh đã bỏ mình giữa Nam Hải. Nhưng văn thư ông mang theo không hoàn toàn mất dấu. Con đường ngoại giao vẫn tiếp tục vận hành.

Sau đó, phía Xiêm La cử cố gắng sứ Phi Nhã Sùng Thống Ha Phái lên đường sang Quảng Đông. Giữa một thời đại mà thư tín phải vượt hàng nghìn dặm biển, một chuyến đi có thể kéo dài hàng tháng và người mang công văn có thể không bao giờ trở về, quan hệ giữa các triều đình vẫn được nối lại bằng những con đường mong manh như thế.

Và trên tuyến đường ấy, Hà Tiên giữ một vị trí đặc biệt. Không phải kinh đô của một đại quốc. Không phải nơi đặt Tổng đốc của Thanh triều. Cũng không phải trung tâm của Xiêm La. Nhưng Hà Tiên là nơi những con đường gặp nhau. Từ Quảng Đông xuống. Từ Chân Lạp sang. Từ Xiêm La qua. Từ Gia Định và Quảng

Nam đến.

Chính vì vậy, trong cục diện Miến - Xiêm và trong nỗ lực thăm dò tình hình của nhà Thanh, Hà Tiên không chỉ đóng vai trò một cảng thị trung chuyển hàng hóa. Nó còn là trạm trung chuyển của tin tức, công văn, ngoại giao và nhận thức địa chính trị.

Ở đó, những cánh buồm không chỉ chở tơ lụa, gốm sứ, trà hay sản vật phương Nam. Chúng còn chở mệnh lệnh của triều đình. Chở lời dò hỏi về vận mệnh của Xiêm La. Chở những tin tức về chiến tranh, phục quốc và sự thay đổi của các vương triều. Và giữa những dòng chảy ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích hiện lên như người giữ cửa của một không gian biển phức hợp - nơi thương mại, ngoại giao, tình báo hàng hải và quyền lực khu vực cùng giao nhau.

Một văn thư từ Quảng Đông muốn đến Xiêm La có thể phải qua Hà Tiên. Một tin tức từ vịnh Xiêm muốn trở về Thanh triều cũng có thể phải qua Hà Tiên. Chỉ riêng điều ấy đã đủ cho thấy vị trí không thể xem nhẹ của vùng đất họ Mạc trong thế giới Đông Nam Á thế kỷ 18. Hà Tiên khi ấy là một cảng nhỏ nếu so với Quảng Châu. Là một trấn biên nếu so với Phú Xuân. Là một vùng đất khiêm nhường nếu đặt cạnh Ayutthaya hay Thonburi. Nhưng trên những hải trình thực tế, nơi tin tức đi chậm hơn gió mùa và mỗi chuyến vượt biển đều chứa đầy bất trắc, Hà Tiên lại trở thành một điểm tựa cần thiết.

Một nơi có thể hỏi tin. Một nơi có thể gửi thư. Một nơi có thể nhờ chuyển đạt. Một nơi mà các thế lực lớn phải nhận ra rằng: muốn hiểu cục diện vịnh Xiêm, không thể bỏ qua vùng đất của họ Mạc bên bờ biển Tây Nam.

## **34. Hà Tiên giữa Thanh triều và Trịnh Chiêu: Khi tin tức trở thành quyền lực**

Trong thế giới hàng hải thế kỷ 18, đôi khi quyền lực không chỉ thuộc về nơi có quân đội hùng mạnh nhất.

Quyền lực còn thuộc về nơi nắm giữ tin tức.

Và Hà Tiên chính là một trong những cửa ngõ thông tin quan trọng của vùng vịnh Xiêm.

Vai trò ấy càng hiện rõ trong cuộc nghị bàn giữa Hoàng đế Càn Long và các Quân cơ đại thần vào ngày Giáp Tuất, tháng Tám năm Càn Long thứ ba mươi ba - Mậu Tý (1768). Nội dung được lưu lại trong Thanh thực lục xoay quanh lập trường của triều đình Đại Thanh đối với Trịnh Chiêu (hay còn gọi là Taksin Đại

đế hoặc Trịnh Quốc Anh - trị vì 1767-1782) - vị tân vương đang nắm quyền tại Xiêm La.

Thanh đình phải quyết định một vấn đề hệ trọng: Có nên thừa nhận người này hay không?

Trịnh Chiêu đã đánh đuổi quân Miến Điện. Đã kiểm soát kinh đô mới. Đã nắm phần lớn lãnh thổ Xiêm La. Nhưng nguồn gốc và địa vị chính thống của ông vẫn khiến Bắc Kinh dè dặt. Trong cuộc thẩm định ấy, tin tức từ Hà Tiên trở nên đặc biệt quan trọng. Và Cư sĩ Mạc Thiên Tích - vị Tổng binh nơi bờ Đông vịnh Xiêm - bất ngờ đứng giữa một cuộc bang giao vượt xa phạm vi của trấn Hà Tiên.

Một phía là Hoàng đế Đại Thanh. Một phía là tân vương Xiêm La. Ở giữa là những cánh buồm vượt Nam Hải. Và trên con đường ấy, người mà Tổng đốc Lương Quảng tìm đến để hỏi tin, chuyển thư và dò xét cục diện lại chính là Cư sĩ Mạc Thiên Tích. Lịch sử Hà Tiên, đến đây, đã bước sang một khúc quanh khác.

Cư sĩ Mạc Thiên Tích không còn chỉ là người cai quản một thương cảng. Ông cũng không chỉ là vị tôi thần nơi biên viễn của chúa Nguyễn. Trong con mắt của những người đang theo dõi cục diện phương Nam từ Quảng Đông và Bắc Kinh, vị “*Mạc Thổ mục*” ấy đã trở thành một đầu mối ngoại giao quan trọng giữa Thanh triều và thế giới vịnh Xiêm. Nhưng chính vai trò ấy cũng đưa ông đến gần hơn với một cuộc đối đầu định mệnh. Bởi người mà triều Thanh đang dò xét chính là Trịnh Chiêu. Còn người mà Mạc Thiên Tích đang che chở tại Hà Tiên lại là một vương tử của triều đại Ayutthaya vừa mất.

Hai con người. Hai quan niệm về chính thống. Hai thế lực cùng nhìn về một ngai vàng. Và Hà Tiên, một lần nữa, đứng ngay giữa tâm bão của lịch sử.

Nhìn trên toàn cục, những biến động dữ dội sau cuộc chiến Xiêm - Miến đã làm đảo lộn trật tự chính trị vốn tồn tại lâu đời ở vùng vịnh Xiêm. Vương triều Ayutthaya sụp đổ. Quân Miến Điện phải phân tán lực lượng để đối phó với nhà Thanh. Các thế lực địa phương tại Xiêm La lần lượt nổi lên tranh giành quyền lực. Trong cơn xoáy ấy, cả Trịnh Chiêu lẫn Mạc Thiên Tích đều hướng tầm mắt về phương Bắc.

Nhưng hai người tìm đến Thanh triều với hai mục đích hoàn toàn khác nhau. Đối với Trịnh Chiêu, vấn đề lớn nhất là chính thống. Ông có quân đội. Có lãnh thổ. Có chiến công đánh đuổi quân Miến Điện. Có kinh đô tại Thonburi. Nhưng ông không phải người kế thừa trực tiếp của vương thất Ayutthaya.

Bởi vậy, việc được Hoàng đế Đại Thanh thừa nhận và ban sắc phong có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong trật tự tông phiên Đông Á thế kỷ 18, một đạo sắc từ

Bắc Kinh không trực tiếp tạo ra quyền lực cho người đang nắm binh quyền, nhưng nó có thể đem đến cho một vương triều mới một lớp chính danh đối ngoại vô cùng quý giá.

Trịnh Chiêu hiểu rất rõ điều ấy. Ông thiết tha cầu phong. Ông sai người dâng biểu. Ông tìm cách nối lại quan hệ với thiên triều. Trong khi đó, Mạc Thiên Tích lại đứng ở một vị trí khác. Vị chủ soái Hà Tiên không cầu xin một vương hiệu từ nhà Thanh. Điều ông có trong tay là một thứ quyền lực khác. Tin tức. Hải trình. Bản đồ. Và khả năng quan sát cục diện vùng vịnh Xiêm. Khi Bắc Kinh muốn biết Xiêm La đang xảy ra chuyện gì, họ tìm đến Hà Tiên.

Khi Tổng đốc Lưỡng Quảng cần khảo sát đường biển sang Xiêm, ông phái người đến Hà Tiên. Khi triều đình Thanh muốn xác minh ai đang kiểm soát vùng đất của vương triều Ayutthaya cũ, Mạc Thiên Tích trở thành một trong những người được hỏi. Bởi vậy, sau cuộc biến loạn Xiêm - Miến, giữa Trịnh Chiêu và Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã hình thành một cuộc vận động ngoại giao âm thầm hướng về Thanh triều.

Một bên tìm kiếm sự thừa nhận. Một bên cung cấp sự hiểu biết. Một bên muốn Bắc Kinh nhìn mình như vị vua hợp pháp của Xiêm La. Một bên lại đang trở thành con mắt quan sát của Lưỡng Quảng trên vùng biển phương Nam.

Đứng giữa hai phía ấy là Tổng đốc Lưỡng Quảng Lý Thị Nghiêu. Ông tiếp nhận sứ thần. Đọc biểu văn. Thu thập tin tức. Và từng bước dâng mật sớ lên Hoàng đế Càn Long để xin định đoạt phương lược.

Trong giai đoạn đầu, thái độ của Càn Long đối với Trịnh Chiêu hết sức lạnh nhạt. Dưới nhãn quan chính trị của một vị hoàng đế đặt nặng trật tự tông phiên và nguyên tắc *“hưng vong kế tuyệt”*, việc một tướng lĩnh lợi dụng lúc vương triều cũ sụp đổ để tự lập làm vua là điều khó có thể lập tức chấp nhận.

Trong dự chỉ, Trịnh Chiêu thậm chí bị định danh là kẻ *“phụ ân tiềm thiết chi nhân”* - người phụ ơn, ngấm ngấm chiếm đoạt quyền vị. Cách nhìn ấy phản ánh rất rõ khoảng cách giữa quan niệm chính thống của Thanh đình và hiện thực chính trị đang diễn ra tại Xiêm La.

Đối với Càn Long, vương triều Ayutthaya tuy đã mất kinh đô, nhưng dòng chính thống chưa hẳn đã tuyệt. Những thành viên hoàng tộc vẫn còn lưu lạc. Nếu Trịnh Chiêu thực sự trung thành với cựu chủ, theo quan niệm của thiên triều, ông phải tìm người thuộc vương thất cũ, giúp họ phục quốc và nối lại dòng kế thừa.

Nhưng đối với Xiêm La sau năm Đinh Hợi (1767), lịch sử đã vận động theo một hướng hoàn toàn khác. Người có thể tập hợp quân đội là Trịnh Chiêu.

Người đánh đuổi quân Miến là Trịnh Chiêu. Người kiểm soát Thonburi và từng bước thống nhất đất nước cũng là Trịnh Chiêu.

Quyền lực thực tế đã vượt ra ngoài khuôn khổ chính thống mà Bắc Kinh muốn duy trì. Nhưng Càn Long lúc ấy vẫn chưa sẵn sàng chấp nhận sự thật ấy.

Khi Tổng đốc Lý Thị Nghiêu cho trục xuất Thừa sai Trần Mỹ, trả lại nguyên biểu và kèm lời khiển trách, Hoàng đế cho rằng cách xử trí ấy còn quá sơ lược. Đối với Càn Long, vấn đề Xiêm La không thể chỉ giải quyết bằng việc từ chối một sứ giả. Cần phải hiểu rõ hơn cục diện thực tế: Trịnh Chiêu là ai, sức mạnh đến đâu, hoàng tộc cũ còn những ai, và khả năng phục lập dòng chính thống Ayutthaya liệu có còn hay không.

Chính nhu cầu ấy làm cho vai trò của Hà Tiên càng trở nên quan trọng. Bởi ở Hà Tiên, Mạc Thiên Tích không chỉ biết tin về Xiêm La. Ông còn đang trực tiếp giữ trong tay một quân bài chính thống: vị vương tử lưu vong của triều đại Ayutthaya. Điều này khiến Hà Tiên trở thành một điểm giao nhau đầy nhạy cảm giữa thông tin và quyền lực.

Nếu Trịnh Chiêu cần Thanh triều công nhận để củng cố tính chính danh của vương triều Thonburi, thì Mạc Thiên Tích lại nắm một chứng tích sống cho thấy dòng chính thống Ayutthaya chưa hẳn đã tuyệt diệt. Nếu Bắc Kinh còn do dự trước việc sắc phong cho Trịnh Chiêu, thì sự hiện diện của hoàng tử Chiêu Thúy tại Hà Tiên càng khiến vấn đề trở nên phức tạp.

Từ đây, cuộc tranh chấp không chỉ diễn ra bằng binh mã. Nó còn diễn ra bằng thư tín. Bằng biểu văn. Bằng tấu sớ. Bằng những tin tức được chuyển qua thương thuyền. Và bằng cách mỗi bên cố gắng thuyết phục Thanh triều nhìn nhận ai mới là người xứng đáng đại diện cho Xiêm La trong trật tự tông phiên.

Trong cục diện ấy, Hà Tiên một lần nữa cho thấy sức mạnh đặc biệt của mình. Không phải sức mạnh của một đại quân. Mà là sức mạnh của vị trí. Sức mạnh của thông tin. Sức mạnh của những mối quan hệ hàng hải. Và sức mạnh của một chính quyền biên hải biết đứng đúng chỗ trong một bàn cờ lớn hơn mình.

Từ một cảng thị bên bờ Đông vịnh Xiêm, Hà Tiên đã trở thành nơi mà tin tức về Xiêm La được tiếp nhận, sàng lọc và chuyển tiếp. Từ một trấn biên của Đàng Trong, Hà Tiên trở thành đầu mối mà Tổng đốc Lương Quảng phải lưu tâm. Và từ một vùng đất nhỏ trong thế giới phương Nam, Hà Tiên bước vào hồ sơ nghị sự của triều đình Càn Long.

Đó là một khoảnh khắc rất đặc biệt trong lịch sử Hà Tiên. Khoảnh khắc mà một thương cảng biên viễn, nhờ vị trí hàng hải và năng lực ngoại giao của họ Mạc, đã trở thành một điểm nối giữa những trật tự lớn: Thanh triều, Xiêm La, Đàng Trong, Chân Lạp và thế giới thương mại Hoa Nam. Nói cách khác, Hà Tiên lúc ấy không chỉ nhìn ra biển. Hà Tiên đang nhìn vào trung tâm của một cuộc tái cấu trúc quyền lực ở Đông Nam Á.

Và cũng từ đó, Cư sĩ Mạc Thiên Tích phải đối diện với một thử thách ngày càng hiểm nghèo: làm thế nào để bảo vệ Hà Tiên, bảo vệ người mà mình che chở, và bảo vệ thanh danh của dòng họ Mạc trong khi trước mặt ông là một Trịnh Chiêu đang trỗi dậy mạnh mẽ, còn phía sau là những cơn sóng ngoại giao đang dội về từ Bắc Kinh.

## **35. Từ dụ chỉ của Càn Long đến hải đồ Hà Tiên: Khi thông tin trở thành quyền lực trên biển**

Theo Càn Long, chỉ đuổi sứ giả về nước chưa đủ để biểu thị uy nghi của thiên triều.

Phải có văn thư. Phải nói rõ đại nghĩa. Phải khiến người phương Nam hiểu rằng giáo hóa của triều đình lan khắp bốn biển, việc khen người thuận nghĩa hay trách kẻ trái đạo đều dựa trên một chuẩn mực mà thiên triều tự nhận là “*chí công*”.

Bởi vậy, Càn Long lệnh cho các Quân cơ đại thần khởi thảo dụ văn gửi Trịnh Chiêu. Nội dung cốt yếu là khiển trách việc tự lập, khuyên ông cải quá tự tân, đồng thời yêu cầu phải giữ lòng trung với cựa chủ, tìm cách “*hung vong kế tuyệt*” - khôi phục nước đã mất, nối lại dòng đã tuyệt.

Nhìn từ quan điểm của Thanh triều, đó là đại nghĩa. Nhưng nhìn từ hiện thực Xiêm La năm Mậu Tý (1768), quan niệm ấy đã trở nên xa rời cục diện thực tế. Ayutthaya đã bị phá hủy. Vương triều cũ tan rã. Các hoàng tử lưu vong mỗi người một phương. Các thế lực cát cứ tranh giành lãnh thổ. Trong khi ấy, Trịnh Chiêu đang dùng quân đội của chính mình để tái lập quốc gia. Bởi vậy, sự cứng rắn ban đầu của Càn Long đối với vị tân vương Xiêm La, xét cho cùng, là cuộc va chạm giữa hai quan niệm về quyền lực. Một bên là chính thống theo trật tự tông phiên. Một bên là chính thống được tạo dựng từ chiến thắng và thực quyền.

Trái ngược với thái độ lạnh nhạt dành cho Trịnh Chiêu, Thanh đình lại tỏ ra tương đối thiện cảm đối với Cư sĩ Mạc Thiên Tích. Trong văn thư nhà Thanh, ông

được gọi là “Hà Tiên trấn mục”. Những báo cáo do Hà Tiên cung cấp được tiếp nhận. Triều đình ban hồi văn. Lại có sự ban thưởng. Sự khác biệt ấy không phải ngẫu nhiên. Mạc Thiên Tích không thách thức trật tự mà Thanh đình đang muốn duy trì. Ông không cầu xưng vương với Bắc Kinh. Không yêu cầu nhà Thanh thừa nhận một triều đại mới. Trái lại, ông cung cấp những điều mà triều đình đang cần nhất:

Tin tức về Xiêm La. Diễn biến chiến tranh Miến - Xiêm. Tình hình các thế lực địa phương. Và con đường biển từ Quảng Đông tiến vào vịnh Xiêm.

Đối với một đế quốc muốn quan sát phương Nam nhưng không muốn tùy tiện đưa quân can thiệp sâu, Hà Tiên trở thành một điểm tiếp xúc vô cùng hữu ích. Vai trò ấy được thể hiện rõ hơn vào ngày Mậu Thìn, tháng Mười năm Càn Long thứ ba mươi ba, tức năm 1768. Hoàng đế Càn Long ban dụ cho các Quân cơ đại thần, truyền lệnh Tổng đốc Lưỡng Quảng Lý Thị Nghiêu phái người sang Hà Tiên.

Mệnh lệnh rất rõ ràng: *“Hỏi Mạc Sĩ Lân về tình hình xác thực gần đây của Xiêm La, lệnh cho y trình báo chi tiết và mau chóng tấu lên.”* “Mạc Sĩ Lân” trong văn thư Thanh triều chính là Cư sĩ Mạc Thiên Tích. Chỉ một câu dụ ấy cũng đủ cho thấy vị trí của Hà Tiên trong mạng lưới thu thập tin tức của nhà Thanh. Hoàng đế ở Bắc Kinh muốn biết chuyện Xiêm La. Quân cơ đại thần truyền chỉ. Tổng đốc Lưỡng Quảng nhận lệnh. Và người được hỏi lại là chủ soái Hà Tiên. Từ Tử Cấm Thành đến Quảng Châu. Từ Quảng Châu xuống Hồ Môn. Từ Hồ Môn vượt Nam Hải. Cuối cùng, đường dây tin tức ấy dừng tại Hà Tiên. Tuân theo dụ chỉ, tháng Mười một năm ấy, Lý Thị Nghiêu phái Thự Tả trấn Du kích Trịnh Thụy cùng các thuộc viên tháp tùng thương thuyền xuất phát từ cửa biển Hồ Môn, xuôi về phương Nam.

Đích đến là Hà Tiên. Nhưng biển cả không vận hành theo ý chí của hoàng đế. Hơn một tháng trôi qua. Bắc Kinh vẫn chưa nhận được tin hồi đáp. Càn Long sốt ruột. Nhà vua chất vấn các Quân cơ đại thần và quở trách Lý Thị Nghiêu cùng thuộc hạ dường như *“không xem đây là việc hệ trọng”*. Trong mắt hoàng quyền, một đạo dụ đã ban xuống thì tin tức phải mau chóng trở về. Nhưng giữa Bắc Kinh và Hà Tiên là hàng nghìn dặm đường. Là biển Nam Hải. Là những cửa biển. Là mùa gió. Và là một hệ thống giao thông hoàn toàn phụ thuộc vào *“phong tín”* — nhịp điệu của gió mùa.

Một viên quan có thể nhận lệnh hôm nay. Nhưng con thuyền chưa chắc ngày mai đã rời cảng. Thuyền có thể rời Hồ Môn. Nhưng nếu gặp gió nghịch, hành trình có thể kéo dài hàng tuần. Đến Hà Tiên, lại phải tìm người, chuyển thư, hỏi tin, thu thập văn bản rồi chờ một mùa gió thuận khác để trở về. Hoàng đế có

thể nóng lòng. Nhưng biển cả không biết đến thánh chỉ. Bởi vậy, sự chậm trễ mà Càn Long xem là tắc trách, trên thực tế lại phản ánh giới hạn của hệ thống thông tin hàng hải thế kỷ 18.

Mãi đến tháng Bảy năm Kỷ Sửu (1769), niên hiệu Càn Long thứ ba mươi bốn, phái đoàn Trịnh Thụy mới trở về Quảng Đông. Họ không trở về tay không. Tổng đốc Lý Thị Nghiêu lập tức dâng lên triều đình ba tư liệu quan trọng.

Thứ nhất, một bản tiết lược về tình hình chiến sự Miến - Xiêm.

Thứ hai, một bức văn thư của Cư sĩ Mạc Thiên Tích.

Và thứ ba, tấm “*Quảng Đông chí Xiêm La thành hải đạo trình đồ*” (  ) - bản đồ hải trình từ Quảng Đông đến kinh thành Xiêm La.

Ba tư liệu ấy có giá trị vượt xa một báo cáo địa phương thông thường. Một bản nói về chiến tranh. Một bản phản ánh nhận định của người đang cai quản Hà Tiên. Một bản vẽ lại con đường biển nối Hoa Nam với vịnh Xiêm.

Tin tức. Chính trị. Địa lý. Cả ba cùng hội tụ tại Hà Tiên.

Điều đáng chú ý là Càn Long không để lại một lời phê thị đặc biệt nào đối với các tư liệu này. Sự im lặng ấy không nhất thiết đồng nghĩa với việc triều đình xem nhẹ chúng. Trong cơ chế hành chính nhà Thanh, nhiều báo cáo được tiếp nhận, lưu giữ và trở thành một phần của hồ sơ quan sát biên ngoại mà không phải lúc nào cũng có ngự phê dài dòng.

Quan trọng hơn, Thanh đình không dừng việc dò xét. Ít lâu sau, các viên chức Lưỡng Quảng tiếp tục phụng dụ phái Du kích Thái Hán tháp tùng thương thuyền sang Hà Tiên, nhằm tìm hiểu sâu hơn tình hình quân sự Xiêm La. Người trước vừa trở về. Người sau lại lên đường. Hà Tiên tiếp tục được hỏi. Mạc Thiên Tích tiếp tục nằm trong tầm liên lạc của Lưỡng Quảng.

Những cánh buồm từ Hồ Môn vẫn xuôi Nam. Tất cả cho thấy một thực tế đáng suy ngẫm.

Trong cục diện phương Nam cuối thập niên 1760, Hà Tiên không chỉ là một địa danh trên bản đồ. Nó đã trở thành một điểm tiếp xúc chiến lược giữa Thanh triều và thế giới vịnh Xiêm. Triều đình Càn Long muốn hiểu Trịnh Chiêu, muốn biết Xiêm La sau Ayutthaya đang đi về đâu, muốn nắm rõ đường biển từ Quảng Đông đến Thonburi; và để làm điều ấy, họ phải đi qua Hà Tiên.

Nói cách khác, Hà Tiên là nơi thông tin được thu nhận. Là nơi công văn được chuyển đạt. Là nơi hải trình được xác lập. Và là nơi một chính quyền biên hải

nhỏ bé có thể cung cấp cho một đại đế quốc những điều mà quân đội và nghi lễ triều cống chưa chắc đã đem lại được: hiểu biết thực tế về tình hình khu vực.

Trong thế giới ấy, quyền lực không chỉ nằm ở kinh đô. Không chỉ nằm trong binh lực. Không chỉ nằm trên sắc phong. Quyền lực còn nằm ở những con đường. Ở những người biết đường. Ở những bến cảng nơi tin tức ghé lại trước khi đi tiếp. Và Hà Tiên của Mạc Thiên Tích chính là một nơi như thế. Một thương cảng bên bờ Đông vịnh Xiêm, nhưng đủ gần để nghe tiếng động từ Xiêm La. Một trấn biên của Đàng Trong, nhưng đủ mở để tiếp nhận thương thuyền Quảng Đông. Một chính quyền địa phương, nhưng đủ linh hoạt để đối thoại với Chân Lạp, Xiêm La và các đầu mối của Thanh triều.

Chính vì vậy, trong hồ sơ Miến - Xiêm của nhà Thanh, Hà Tiên không chỉ đóng vai trò phụ thuộc. Nó là một mắt xích then chốt trong mạng lưới thông tin hàng hải Đông Nam Á.

Và ở trung tâm mắt xích ấy là Cư sĩ Mạc Thiên Tích - người không chỉ cai quản một vùng đất, mà còn đứng nơi giao lộ của chiến tranh, thương mại, ngoại giao, bản đồ và những luồng tin tức đang làm chuyển động cả cục diện vịnh Xiêm.

## **36. Hà Tiên: Khi tin tức trở thành quyền lực**

Trong những năm 1767-1769, Hà Tiên đã trở thành một trạm quan sát chiến lược của Thanh triều đối với cục diện vịnh Xiêm.

Không phải một cơ quan chính thức của nhà Thanh. Không phải một thuộc địa. Càng không phải một đơn vị hành chính của Trung Hoa.

Nhưng bằng vị trí địa lý, mạng lưới thương mại và khả năng tiếp cận tin tức khu vực, Hà Tiên đã giữ vai trò của một cửa ngõ thông tin mà chính Tổng đốc Lương Quảng và Hoàng đế Càn Long đều phải lưu tâm.

Và đứng ở trung tâm mạng lưới ấy là Mạc Thiên Tích. Ông không có đại quân sáu mươi vạn. Không ngồi trong Tử Cấm Thành. Không cai trị một đế quốc. Nhưng trong cuộc khủng hoảng Xiêm - Miến, những điều ông biết đã trở thành thứ mà Bắc Kinh muốn biết.

Bản đồ từ Hà Tiên được đưa về Quảng Đông. Tin tức từ Hà Tiên được dâng lên Quân cơ xứ. Văn thư của Hà Tiên được đặt trước triều đình Đại Thanh.

Có lẽ chính ở điểm này, người ta mới nhìn thấy đầy đủ tầm vóc đặc biệt của Mạc Thiên Tích. Quyền lực của ông không chỉ nằm trong thành lũy Hà Tiên. Nó còn nằm trên những con đường biển. Trong mạng lưới thương nhân. Trong những

nguồn tin vượt đại dương. Và trong khả năng khiến một vùng đất nhỏ nơi bờ Đông vịnh Xiêm trở thành nơi mà một đại đế quốc phương Bắc phải nhiều lần phái người tìm đến để hỏi:

Xiêm La hiện nay ra sao? Giữa thời đại ấy, biết được câu trả lời đôi khi cũng chính là một hình thức của quyền lực.

Và Hà Tiên, nhờ vị trí của mình, nhờ tài ứng xử của họ Mạc, nhờ những cánh buồm nối liền Quảng Đông với vịnh Xiêm, đã nắm giữ một phần quyền lực ấy. Đó không phải quyền lực của đao binh áp đảo, cũng không phải quyền lực của sắc phong thiên triều, mà là quyền lực mềm của một thương cảng biết lắng nghe thời cuộc, biết đọc hướng gió lịch sử và biết biến thông tin thành lợi thế sinh tồn.

Trong cơn biến động lớn của Đông Nam Á thế kỷ 18, Hà Tiên vì thế không chỉ là nơi chứng kiến lịch sử.

Hà Tiên đã tham dự vào lịch sử. Không bằng tiếng trống trận vang dội như Ayutthaya hay Thonburi. Không bằng những đoàn quân viễn chinh như Miến Điện hay Đại Thanh. Mà bằng một vai trò thầm lặng hơn, nhưng không kém phần quan trọng: vai trò của một cửa ngõ hàng hải, một điểm trung chuyển tin tức, một trạm quan sát địa chính trị và một không gian ngoại giao mềm giữa các thế lực lớn.

Ở trung tâm vai trò ấy là Cư sĩ Mạc Thiên Tích - vị chủ soái đã đưa Hà Tiên vượt khỏi giới hạn của một trấn biên, để trở thành một địa danh được các triều đình, thương nhân, văn nhân và người đi biển cùng ghi nhớ.

Một vùng đất nhỏ. Nhưng biết đứng đúng chỗ giữa biển lớn. Một thương cảng biên viễn. Nhưng có thể làm vang động đến bàn nghị sự của phương Bắc. Một chính quyền địa phương. Nhưng đủ khôn ngoan để biến vị trí, thông tin và giao thương thành sức mạnh.

Đó chính là chiều sâu đặc biệt của Hà Tiên dưới thời họ Mạc: không chỉ phồn hoa bởi thương thuyền, rực rỡ bởi văn chương, trang nghiêm bởi đạo pháp, mà còn sắc bén trong nghệ thuật sinh tồn giữa những cơn bão quyền lực của thế kỷ 18.

## **37. Tranh chấp giữa Hà Tiên và Xiêm La: Kết cục lưỡng bại câu thương**

Dưới thời Cư sĩ Mạc Cửu, từ khoảng năm Canh Thìn (1700) đến khi ông từ giã trần gian về cõi Phật vào năm Ất Mão (1735), vùng duyên hải Hà Tiên đã trải qua một cuộc chuyển mình gần như kỳ diệu. Từ những dải đất thấp trũng, đầm lầy và rừng hoang nơi bờ Đông vịnh Xiêm, một cảng thị mới từng bước hình thành. Lưu dân tìm đến khai khẩn ruộng đất; thương nhân vượt biển tụ hội; phố chợ mở mang; tàu buôn từ nhiều phương nối nhau cập bến. Chỉ trong vài thập niên, Hà Tiên đã vươn lên thành một trong những thương cảng đáng chú ý của vùng vịnh Xiêm, đồng thời từng bước đi vào cương vực chính trị của Đại Việt sau sự kiện Mạc Cửu dâng đất quy phục chúa Nguyễn năm Mậu Tý (1708).

Cư sĩ Mạc Cửu là người dựng nền.

Ông khai đất. Chiêu dân. Mở chợ. Thông thương. Dựng thành lũy. Và quan trọng hơn cả, ông đã tìm cho Hà Tiên một thế đứng chính trị giữa ba vùng quyền lực lớn: Chân Lạp, Xiêm La và Đàng Trong.

Nhưng về phương Bắc, dấu vết giao tiếp trực tiếp giữa chính quyền Cư sĩ Mạc Cửu với triều đình nhà Thanh lại hết sức mờ nhạt. Xuất thân từ Lôi Châu, phủ Quảng Đông, trưởng thành trong thời đại Minh - Thanh chuyển dịch, Cư sĩ Mạc Cửu thuộc về một thế hệ người Hoa hải ngoại mang trong mình nhiều ký ức phức tạp về cựu triều. Trong bối cảnh ấy, tâm thức hoài Minh và khoảng cách chính trị đối với Thanh triều là một hiện tượng phổ biến trong nhiều cộng đồng di dân Hoa Nam ở Đông Nam Á.

Có lẽ vì thế, dưới thời Cư sĩ Mạc Cửu, Hà Tiên tuy mở rộng cửa biển với thương nhân bốn phương, nhưng chưa cho thấy một mối liên hệ bang giao rõ rệt với chính quyền Đại Thanh. Con đường của Mạc Cửu hướng về phương Nam. Ông dựa vào thương mại biển. Ứng xử với Chân Lạp. Đề phòng Xiêm La. Và cuối cùng lựa chọn thần phục chúa Nguyễn để tìm một thế dựa lâu dài cho cơ nghiệp Hà Tiên. Nhưng khi Mạc Thiên Tích kế nghiệp, thời đại đã đổi khác. Người con trai của Mạc Cửu không chỉ tiếp nhận một vùng đất. Ông tiếp nhận cả một vị trí địa - chính trị đặc biệt. Phía Đông là lãnh thổ chúa Nguyễn. Phía Tây là Xiêm La. Phía Bắc và Tây Bắc là Chân Lạp. Phía Nam mở ra vịnh Xiêm và mạng lưới hàng hải Nam Hải.

Xa hơn nữa, những cánh buồm từ Hà Tiên có thể theo hải trình tiến về Quảng Đông - một trong những cửa ngõ thương mại lớn nhất của đế quốc Đại Thanh. Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã nhìn thấy giá trị của vị trí ấy. Nếu Cư sĩ Mạc Cửu biến Hà Tiên thành một thương cảng, thì Cư sĩ Mạc Thiên Tích từng bước biến thương cảng ấy thành một đầu mối giao lưu của khu vực.

Ông là một nhà chính trị. Một người cầm quân. Một thi nhân. Một vị cư sĩ trọng đạo. Và trên hết, ông là người có khả năng hiểu được sức mạnh của những mối quan hệ vượt khỏi biên giới Hà Tiên.

Khác với thế hệ người Hoa lưu vong trước đó, Cư sĩ Mạc Thiên Tích không còn bị trói buộc quá nặng bởi ký ức chính trị Minh -Thanh. Ông trưởng thành trên vùng đất phương Nam. Cơ nghiệp của ông nằm ở Hà Tiên. Tông chủ của ông là chúa Nguyễn. Nhưng thế giới giao thương và văn hóa mà ông tiếp xúc lại trải rộng từ Quảng Đông đến Xiêm La, từ Chân Lạp đến các tuyến hàng hải Nam Hải.

Bởi vậy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích lựa chọn một phương lược khác. Ông mở rộng giao hảo với giới thương nhân Hoa Nam. Kết giao với văn nhân. Trọng vọng sĩ phu. Sưu cầu thi văn của những bậc danh sĩ Quảng Đông. Và từng bước đưa tên tuổi Hà Tiên vượt qua biển cả. Những giai thoại được La Thiên Xích ghi lại về lòng mến sĩ của Mạc Thiên Tích chính là một dấu vết của quá trình ấy. Thương nhân từ Quảng Đông đến Hà Tiên không chỉ mang theo hàng hóa.

Họ mang theo sách. Thơ. Tin tức. Những câu chuyện về văn đàn Hoa Nam.

Và khi trở về, họ cũng mang theo thi văn, thanh danh cùng những câu chuyện về vị Đô đốc đất Hà Tiên. Cứ như thế, giữa Hà Tiên và Quảng Đông dần hình thành một con đường giao lưu đặc biệt.

Đó không phải là quan hệ bang giao chính thức giữa hai quốc gia. Cũng chưa phải một cơ chế ngoại giao được thiết lập bằng sứ bộ thường kỳ. Nhưng đó là một mạng lưới liên hệ sống động được tạo nên bởi thương thuyền, văn nhân, hải khách và những người đi lại trên biển.

Mạc Thiên Tích đứng ở trung tâm mạng lưới ấy. Và rồi lịch sử khu vực bước vào một cơn đại biến. Miến Điện tiến đánh Xiêm La. Ayutthaya sụp đổ. Trịnh Chiêu nổi lên dựng vương triều mới. Các hoàng tử Xiêm lưu vong. Chân Lạp tiếp tục phân tranh. Trong khi đó, nhà Thanh từ phương Bắc lại đang giao chiến với vương triều Konbaung của Miến Điện.

Đột nhiên, vùng vịnh Xiêm trở thành một bàn cờ mà nhiều thế lực cùng muốn nhìn rõ. Bắc Kinh muốn biết Xiêm La đang xảy ra chuyện gì. Lưỡng Quảng muốn biết đường biển đến Xiêm. Thanh đình muốn xác định ai đang thực sự nắm quyền sau khi Ayutthaya diệt vong. Nhưng từ Quảng Châu đến Xiêm La là một hải trình dài hàng nghìn dặm. Tin tức chậm. Địa danh phức tạp. Vương triều cũ đã tan rã. Người mà triều đình nhà Thanh từng giao tiếp nay không còn.

Trong hoàn cảnh ấy, Hà Tiên bất ngờ nổi lên như một cửa ngõ thông tin đặc biệt. Bởi Hà Tiên nằm ngay giữa các tuyến đường. Từ Quảng Đông xuôi Nam,

thương thuyền có thể đến Hà Tiên. Từ Hà Tiên đi về phía Tây là Chanthaburi và vùng đất Xiêm La. Từ Hà Tiên tiến về phía Bắc và Tây Bắc là Chân Lạp. Còn về phía Đông là Gia Định và cương vực chúa Nguyễn.

Nếu muốn biết vùng vịnh Xiêm đang xảy ra chuyện gì, Hà Tiên là một nơi không thể xem nhẹ. Và nếu muốn hỏi một người hiểu rõ cục diện ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích là một trong những nhân vật thích hợp nhất. Chính từ đây, vai trò lịch sử của vị Đô đốc Hà Tiên bước sang một tầng mức mới.

Ông không chỉ cai quản đất đai. Không chỉ điều hành thương mại. Không chỉ tổ chức quân đội. Cư sĩ Mạc Thiên Tích bắt đầu trở thành người nắm giữ những nguồn tin mà các thế lực bên ngoài muốn tiếp cận. Tin về Xiêm La. Tin về Miến Điện. Tin về những người kế thừa vương thất Ayutthaya. Tin về các tuyến hải hành. Tin về khoảng cách giữa những cảng thị. Và cả những biến động đang từng ngày làm thay đổi cục diện bán đảo Đông Nam Á.

Bởi vậy, khi Tổng đốc Lưỡng Quảng cần dò xét tình hình Xiêm La, người của Thanh triều đã tìm đến Hà Tiên. Sự kiện ấy cho thấy một nghịch lý rất đáng suy ngẫm của lịch sử. Hà Tiên là một vùng đất nhỏ, nhưng lại nằm ở nơi những luồng tin lớn đi qua. Hà Tiên không có tham vọng trở thành một đại quốc, nhưng lại có khả năng tiếp nhận và chuyển tải những tin tức mà các đại quốc cần biết. Hà Tiên không sở hữu binh lực đủ để áp đảo Xiêm La hay Miến Điện, nhưng nhờ vị trí, thương mại và mạng lưới quan hệ, nó trở thành một điểm quan sát mà ngay cả triều đình Càn Long cũng phải lưu tâm.

Đó là sức mạnh đặc biệt của một thương cảng biên hải. Không chỉ là sức mạnh của bạc tiền. Không chỉ là sức mạnh của thành lũy. Mà còn là sức mạnh của thông tin, của hải trình, của những mối giao hảo vượt biển và của khả năng đọc được cục diện trước khi cục diện ấy chuyển thành binh đao.

Tuy nhiên, chính vai trò ấy cũng đẩy Hà Tiên vào một thế đứng ngày càng nguy hiểm. Bởi càng hiểu rõ Xiêm La, Hà Tiên càng khó đứng ngoài cuộc tranh chấp chính thống sau ngày Ayutthaya sụp đổ. Và khi Cư sĩ Mạc Thiên Tích lựa chọn che chở cho hoàng tử Chiêu Thúy, trong khi Trịnh Chiêu đang từng bước dựng nên vương triều Thonburi, mối quan hệ giữa Hà Tiên và Xiêm La không còn chỉ là quan hệ thương mại hay láng giềng.

Nó trở thành một cuộc đối đầu chính trị. Một bên là vị tân vương đang cần chính danh. Một bên là vị chủ soái Hà Tiên đang nắm giữ biểu tượng của dòng chính thống Ayutthaya cũ. Một bên muốn thống nhất Xiêm La dưới trật tự mới. Một bên muốn bảo vệ người lưu vong và duy trì ảnh hưởng của mình trên bàn cờ vịnh Xiêm.

Từ đây, những cánh buồm từng chở hàng hóa, thi văn và tin tức bắt đầu mang theo cả nghi kỵ, thù hận và âm mưu. Hà Tiên, từ một cửa ngõ giao thương, dần trở thành tiền tuyến của một cuộc tranh chấp mà kết cục sau này sẽ không đem lại thắng lợi trọn vẹn cho bất cứ bên nào.

Đó là khởi đầu của một bi kịch chính trị: cuộc tranh chấp giữa Hà Tiên và Xiêm La, nơi cả hai phía cuối cùng đều phải trả giá - một kết cục lưỡng bại câu thương trong cơn bão quyền lực của thế kỷ 18.

## **38. Hà Tiên trong đường dây thông tin Xiêm La - Quảng Đông - Bắc Kinh**

Khi Bắc Kinh muốn xác minh diễn biến cuộc chiến Miến - Xiêm, Hà Tiên được yêu cầu trình báo. Khi cần khảo sát hải trình từ Quảng Đông đến kinh thành Xiêm La, những tư liệu liên quan cũng được thu thập qua tuyến Hà Tiên. Mạc Thiên Tích cung cấp văn thư.

Tin tức được tập hợp. Hải trình được khảo sát. Bản đồ được đưa về Quảng Đông. Từ Quảng Đông, các tầu só lại tiến về Bắc Kinh. Một đường dây thông tin vô hình đã hình thành: Xiêm La - Hà Tiên - Quảng Đông - Bắc Kinh.

Trong mạng lưới ấy, Hà Tiên giữ vị trí của một trạm trung chuyển chiến lược.

Cần phải nói rõ rằng, Hà Tiên không phải một “*cơ quan tình báo*” của nhà Thanh theo nghĩa hiện đại. Cư sĩ Mạc Thiên Tích càng không phải quan viên của Thanh triều. Ông vẫn là vị Đô đốc trấn Hà Tiên, giữ quan hệ thần thuộc với chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Nhưng chính vị trí địa lý, mạng lưới thương mại và khả năng tiếp cận tin tức đã khiến Hà Tiên trên thực tế trở thành một đầu mối thu thập và chuyển tiếp thông tin quan trọng đối với chính quyền Lưỡng Quảng.

Đây là một hiện tượng đặc biệt. Một trấn biên viễn của Đàng Trong. Một cảng thị do dòng họ Mạc cai quản. Một vùng đất không thuộc lãnh thổ nhà Thanh. Nhưng lại nhiều lần được Tổng đốc Lưỡng Quảng phái người tìm đến để hỏi về tình hình Xiêm La. Điều ấy nói lên điều gì? Nó nói lên rằng quyền lực của Hà Tiên dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích không chỉ được đo bằng diện tích cương vực. Cũng không thể chỉ đo bằng số lượng quân lính. Quyền lực ấy còn nằm ở vị trí. Ở khả năng kết nối. Ở sự hiểu biết về thế giới chung quanh. Và ở giá trị của những tin tức mà Hà Tiên nắm giữ.

Trong một thời đại mà một bức thư từ Quảng Đông đến Xiêm La có thể mất nhiều tháng, một người hiểu rõ hải trình đã là tài sản quý. Một thương cảng nơi thuyền buôn nhiều nước tụ hội lại càng quý hơn. Và một người cai quản thương cảng ấy, nếu vừa hiểu chính trị Chân Lạp, vừa biết cục diện Xiêm La, vừa có quan hệ với thương nhân Quảng Đông, lại nắm được đường biển Nam Hải, tất nhiên sẽ trở thành một nhân vật mà các thế lực lớn phải lưu tâm.

Mạc Thiên Tích chính là người như thế. Nhờ sự chủ động và linh hoạt của ông, Hà Tiên trong những năm biến động sau khi Ayutthaya sụp đổ đã giữ một vai trò trung gian hết sức đặc biệt. Tin tức từ vùng vịnh Xiêm qua Hà Tiên truyền về Lưỡng Quảng. Văn thư từ Quảng Đông theo thương thuyền xuống Hà Tiên rồi tìm đường sang Xiêm La. Những phái viên nhà Thanh đến Hà Tiên hỏi tin. Những bản tường trình về chiến cuộc được chuyển về phương Bắc.

Hà Tiên, từ một thương cảng, đã trở thành một giao điểm của thông tin và ngoại giao hàng hải. Nếu Mạc Cửu là người mở đất Hà Tiên ra với biển cả, thì Mạc Thiên Tích là người đưa Hà Tiên bước sâu hơn vào mạng lưới chính trị của khu vực.

Dưới thời ông, Cảng Khẩu không chỉ bán hàng hóa. Cảng Khẩu còn lưu chuyển tin tức. Không chỉ đón thương nhân. Mà còn tiếp xúc với phái viên. Không chỉ nối những tuyến buôn bán. Mà trong những thời điểm đặc biệt, còn góp phần nối liền những đường dây bang giao giữa Quảng Đông với vùng vịnh Xiêm. Chính ở đây, tài năng chính trị của Cư sĩ Mạc Thiên Tích hiện lên rõ nét nhất. Ông hiểu rằng một vùng đất nhỏ không thể tranh sức với những đế quốc lớn. Nhưng vùng đất nhỏ ấy có thể trở nên quan trọng nếu biết đứng đúng nơi những con đường gặp nhau.

Hà Tiên nằm giữa Xiêm La, Chân Lạp và Đàng Trong. Lại hướng ra Nam Hải và thông thương với Quảng Đông. Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã biến vị trí địa lý ấy thành một lợi thế chính trị. Ông khiến Hà Tiên trở thành nơi người ta phải ghé qua. Một nơi để buôn bán. Một nơi để hỏi tin. Một nơi để chuyển thư. Và đôi khi, là một nơi để những triều đình xa xôi nhìn qua đó mà dò xét cả cục diện phương Nam.

Từ một dải đầm lầy hoang vu dưới thời Cư sĩ Mạc Cửu, Hà Tiên đã trở thành thương cảng. Từ một thương cảng dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích, Hà Tiên lại bước thêm một bước nữa để trở thành một đầu mối thông tin và ngoại giao hàng hải của vùng vịnh Xiêm. Đó là cuộc chuyển mình phi thường của hai thế hệ họ Mạc.

Người cha dựng đất. Người con dựng thế. Cư sĩ Mạc Cửu mở cửa Hà Tiên ra biển lớn. Cư sĩ Mạc Thiên Tích đưa tên tuổi Hà Tiên đi theo những cánh buồm vượt khỏi chân trời. Và trong một khoảnh khắc đặc biệt của lịch sử thế kỷ 18, vùng đất nhỏ nơi bờ Đông vịnh Xiêm ấy đã thực sự trở thành một mắt xích mà ngay cả triều đình Đại Thanh, khi muốn hiểu cục diện phương Nam, cũng không thể hoàn toàn bỏ qua.

Từ đây, Hà Tiên không chỉ còn là một địa danh của lịch sử mở cõi Việt Nam. Nó còn là một điểm sáng trong lịch sử hàng hải Đông Nam Á - nơi thương mại, thông tin, ngoại giao, văn chương và Phật pháp cùng gặp nhau dưới bóng dáng của một dòng họ đã biết biến vị trí biên viễn thành lợi thế thời đại.

(Hết phần 4, còn tiếp...)

(Trích dẫn từ: *“Đại học Tế Nam: Triết học và Khoa học Xã hội”*)

Tác giả: [ ] [ ] [ ]

Viết dịch & phóng tác: **Thích Vân Phong**

Nguồn: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]